

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 20 - 02 - 2020

V/v tranh chấp “ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN - TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Kim Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Loan.
2. Ông Hồ Trung Hậu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Trí - là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long: không tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 276/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2019; về tranh chấp: “ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXX-ST ngày 05 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **M**, sinh năm 1975. HKTT: ấp D, xã L, huyện P, tỉnh Vĩnh Long. Tạm trú: ấp T, xã A, huyện P, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

2. Bị đơn: Anh **B**, sinh năm 1968. Địa chỉ: ấp D, xã L, huyện P, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/12/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị M trình bày:

Chị và anh B qua mai mối và được sự chấp thuận của gia đình thành hôn vào năm 2006. Nữ trang cưới: 04 chỉ vàng 24K, trong thời gian chung sống vợ chồng đã bán để chi tiêu trong gia đình, hiện nay không còn. Đăng ký kết hôn ngày 01/9/2008 tại UBND xã Tân Lược, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long. Sau khi cưới vợ chồng sống chung với gia đình chồng ở ấp Tân Định, xã Tân Lược, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long; hạnh phúc được khoảng 02 năm. Có 01 con chung: H, sinh ngày 12/6/2008 hiện sống với anh B. Trong thời gian chung sống vợ chồng tạo lập được

tài sản chung là 01 xe Honda Blade mua vào năm 2017 trị giá 20.890.000 đồng, hiện anh B quản lý và 3,5 chỉ vàng 24K, hiện chị quản lý; vợ chồng không thiếu nợ ai và cũng không cho ai mượn nợ. Mâu thuẫn phát sinh dẫn đến ly hôn là do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, anh B thường hay uống rượu về nhà gây sự, xúc phạm, chửi chửi, ghen tuông vô cớ, thậm chí nhiều lần anh B còn bạo hành, đánh chị, đe dọa đến tính mạng chị. Chị đã nhiều lần khuyên can chồng thay đổi để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng đều không thành từ đó đời sống vợ chồng không hạnh phúc. Vì không thể tiếp tục chung sống với anh B nên chị đã về nhà cha mẹ ruột ở tại ấp An Thạnh, xã Tân An Thạnh, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long từ ngày 08/11/2019 cho đến nay. Hiện mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B; về con chung: chị yêu cầu được quyền nuôi H, sinh ngày 12/6/2008, chị yêu cầu anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 745.000 đồng/tháng (*Bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng trên một tháng*) kể từ ngày Tòa án ra Bản án, Quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; về quan hệ tài sản: tự thỏa thuận, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, chị không còn yêu cầu nào khác.

- *Tại biên bản hòa giải ngày 10/01/2020 và ngày 05/02/2020 bị đơn anh B trình bày:*

Anh thống nhất với lời trình bày của chị M về thời gian kết hôn, quá trình sống chung, vợ chồng anh có đăng ký kết hôn. Nữ trang cưới: 04 chỉ vàng 24K, hiện chị M quản lý. Anh và chị M có 01 con chung H, sinh ngày 12/6/2008 hiện sống với anh. Trong thời gian chung sống vợ chồng anh tạo lập được tài sản chung là 01 xe Honda Blade mua vào năm 2017 trị giá 20.890.000 đồng hiện anh quản lý; vợ chồng không thiếu nợ ai và cũng không cho ai mượn nợ. Anh xác định vợ chồng anh không có mâu thuẫn gì. Do anh có rượu trong người, nóng tính nên xảy ra cự cãi nhau; anh xác định anh có đánh chị M 02 lần bằng tay. Anh có đuổi chị M nên chị M về nhà cha mẹ ruột ở khoảng 02 tháng nay; anh không có đến nhà vợ ruột chị M về là do anh có nghe nói lại chị M không cho anh đến nhà cha mẹ chị. Anh xác định anh vẫn còn thương vợ. Anh không đồng ý ly hôn. Anh yêu cầu giải quyết cho vợ chồng được đoàn tụ.

Trường hợp Tòa án giải quyết cho chị M được ly hôn; về con chung: H, sinh ngày 12/6/2008; anh không đồng ý để chị M nuôi con, anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con, anh yêu cầu được quyền nuôi con, không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con; về quan hệ tài sản: tự thỏa thuận, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, anh không còn yêu cầu nào khác.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/12/2019 cháu H trình bày cha cháu tên B, mẹ cháu tên M. Cha mẹ cháu ly hôn, nguyện vọng cháu sống với mẹ.*

- *Tại phiên tòa: các đương sự giữ nguyên yêu cầu; không thỏa thuận được.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị M có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn anh B, anh B có nơi cư trú thuộc huyện Bình Tân nên tranh chấp và quan hệ pháp luật thuộc thẩm quyền thụ lý và giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị M và anh B tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân giữa chị M và anh B là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị M là có cơ sở. Bởi lẽ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị và anh B là trầm trọng, không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị M xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh B, chị yêu cầu được ly hôn anh B. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị M được ly hôn anh B là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: H, sinh ngày 12/6/2008; chị M yêu cầu được quyền nuôi; yêu cầu anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 745.000 đồng/tháng (*Bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng trên một tháng*) kể từ ngày Tòa án ra Bản án, Quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Xét thấy chị M hiện có công việc là làm thuê có thu nhập bình quân 160.000 đồng/ngày, điều kiện kinh tế của chị M ổn định, đảm bảo được việc nuôi con, đảm bảo các điều kiện cho sự phát triển về thể chất và các điều kiện khác cho sự phát triển tốt về tinh thần của cháu H; đồng thời cháu H có nguyện vọng sống với mẹ. Do đó Hội đồng xét xử xem xét giao con cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu của chị M yêu cầu anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 745.000 đồng/tháng (*Bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng trên một tháng*) kể từ ngày Tòa án ra Bản án, Quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp theo quy định tại Điều 82, 107, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận (tại thời điểm xét xử sơ thẩm mức lương cơ sở là 1.490.000 đồng).

[2.3] Về chia tài sản: chị M và anh B tự thỏa thuận, không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị M phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a

khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị M và anh B.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung H, sinh ngày 12/6/2008 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 745.000 đồng/tháng (*Bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng trên một tháng*) kể từ ngày Tòa án ra Bản án, Quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh B có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu H được sống chung với chị M.

Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình; đồng thời người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về chia tài sản: chị M và anh B tự thỏa thuận, không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) do chị M nộp theo biên lai thu số 0011229 ngày 03/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân. Vậy chị M đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND T. Vĩnh Long;
- VKSND H. Bình Tân;
- Chi cục THADS H. Bình Tân;
- UBND xã Tân Lược, H. Bình Tân, T. Vĩnh Long;
- Các đương sự;

(Đã ký)

- Lưu.

Phan Kim Ngân

